

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 52/2019/HS-ST
Ngày: 03 - 10 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hùng Phương.

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Đàm Văn Kiều.

Ông Đào Văn Rạng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Quang Hải – Thư ký Toà án nhân dân huyện N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Ông Hà Viết Chinh – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện N tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 49/2019/TLST- HS ngày 14 tháng 8 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2019/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 9 năm 2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Tiến Anh V - Sinh năm: 1994 tại tỉnh Nam Định.

Nơi cư trú: Đội 1, Thôn Ba Hạ, xã H, huyện N, tỉnh Nam Định; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 12/12; giới tính: Nam; con ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1965 và bà Ngô Thị Th, sinh năm 1967, cả hai hiện đang làm ruộng tại xã H, huyện N, tỉnh Nam Định; vợ, con: Chưa.

Tiền án: Ngày 20/03/2017, bị Tòa án nhân dân quận B, Thành phố Hà Nội xử phạt 21 tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản” và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Tiền sự: Không.

Bị cáo Nguyễn Tiến Anh V tự thú và bị tạm giữ từ ngày 26/5/2019 đến ngày 04/6/2019 chuyển tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện N; có mặt.

* *Người bị hại:* Chị Đồng Thị D, sinh năm 1974; nơi cư trú: Xóm 18, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 8 giờ 40 phút, ngày 07/5/2019, Nguyễn Tiến Anh V điều khiển xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, biển số 89H2 - 8870 từ nhà đi đến khu vực xã N, huyện N với mục đích tìm nhà nào sơ hở để vào trộm cắp tài sản bán lấy tiền chi tiêu cá nhân. Khoảng 9 giờ cùng ngày khi đi đến khu vực nhà chị Đồng Thị D ở xóm 18, xã N, huyện N, thấy nhà chị D khóa cổng và khóa cửa nhà không có ai ở nhà. V dựng xe mô tô ở khu vực đường dong phía Tây cạnh nhà chị D, sau đó trèo qua tường bao phía Tây vào trong sân nhà chị D. V vào bếp nhà chị D để tìm tài sản nhưng không tìm thấy tài sản có giá trị. Lúc này V thấy có 01 chiếc xà beng bằng kim loại màu đen, hình trụ, đường kính 2,5 cm, dài 1,53 mét, một đầu nhọn, một đầu dẹp, đã qua sử dụng dựng ở góc bếp nhà chị D, V lấy xà beng ra và phá ổ khóa cửa hướng Tây nhà chị D để vào trong nhà. Sau khi phá được khóa cửa, V vào nhà và mang chiếc xà beng, ổ khóa Việt Tiệp đến để ở khu vực cầu thang, sau đó V lục soát tìm tài sản trong buồng ngủ, phát hiện thấy 01 chiếc két sắt nhãn hiệu Korea màu xanh ở góc buồng phía Tây còn cắm chìa khóa ở két, V dùng tay mở chìa khóa nhưng không mở được. V lấy xà beng cạy phá khóa két sắt khoảng 03 phút thì cửa két bung ra. Khi phá được két sắt, thấy ngăn dưới không có tài sản gì, ngăn trên khóa, V rút chìa khóa ở cánh tủ két và mở ngăn trên két ra thấy trong két có 01 túi ni lông màu hồng bên trong có đựng tiền, V lấy túi tiền cho vào túi quần rồi đi ra ngoài khép cửa lại và mang chiếc xà beng xuống góc bếp dựng như cũ, sau đó V trèo tường bao đi ra ngoài theo lối cũ và điều khiển xe mô tô đi. V điều khiển xe mô tô đi theo đường cánh đồng đến gần chùa Chương Nghĩa, xã N, V bỏ túi ni lông tiền ra đếm được tổng cộng 146.000.000 đồng trong đó có 03 cọc tiền (mỗi cọc tiền đều được buộc bằng dây chun màu vàng): 02 cọc tiền có mệnh giá 500.000 đồng (Tổng mỗi cọc tiền là 50.000.000 đồng), 01 cọc tiền gồm các mệnh giá 500.000 đồng, 200.000 đồng, 100.000 đồng có tổng cộng là 46.000.000 đồng. Ngay sau đó V đi lên Công ty Golden Victory ở xã N, huyện N và gọi điện thoại cho anh Ngô Văn Q là bạn của V là công nhân của Công ty Golden Victory ở xã N) ra cổng và trả nợ cho anh Q 12.000.000 đồng. Sau khi trả nợ cho anh Q, V điều khiển xe mô tô về nhà. Khi đi về đến khu vực xóm 9, xã N, V dừng xe lại lấy hết tiền trong túi ni lông màu hồng cho vào túi quần rồi và rút 03 chiếc dây chun dùng để buộc các cọc tiền và chiếc túi ni lông màu hồng dùng để đựng tiền ở vệ đường, sau đó V về nhà, trả xe cho bố mẹ rồi bắt xe khách lên thành phố Hà Nội chơi. Tại thành phố Hà Nội, V gặp em trai là Nguyễn Quốc Anh Ch, V cho Ch 4.000.000 đồng. Ngày 09/5/2019, V về thành phố Nam Định chơi và cho anh Ngô Hoàng D là

bạn của V vay 3.000.000 đồng. Ngày 10/5/2019, V chuyển vào tài khoản số 106001447728 của chị Nguyễn Thị Hồng M là bạn của V để trả nợ chị M 2.000.000 đồng. Ngày 11/5/2019, V trả nợ cho anh Đinh Văn Ng là bạn của V số tiền 6.000.000 đồng và cho anh Ng vay thêm 5.000.000 đồng, số tiền còn lại V sử dụng chi tiêu cá nhân hết. Khám nghiệm hiện trường thu giữ 01 két sắt nhãn hiệu Korea màu xanh, tình trạng két đã bị cạy phá phần cánh cửa két và mặt két, 01 ổ khóa Việt Tiệp đã qua sử dụng; thu giữ của chị Đồng Thị D 01 xà beng bằng kim loại màu đen, hình trụ, đường kính 2,5 cm, dài 1,53 mét, một đầu nhọn, một đầu dẹp đã qua sử dụng.

Ngày 26/5/2019, Nguyễn Tiến Anh V đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N tự thú về hành vi trộm cắp tại nhà chị D ngày 07/5/2019. Thu giữ của Nguyễn Tiến Anh V 01 xe mô tô, nhãn hiệu YAMAHA, biển số 89H2 - 8870, đã qua sử dụng.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N thu giữ của anh Ngô Văn Q 12.000.000 đồng, anh Ngô Hoàng D 3.000.000 đồng, chị Nguyễn Thị Hồng M 2.000.000 đồng. Tổng số tiền thu giữ được là 17.000.000 đồng.

Tại cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N, Nguyễn Tiến Anh V đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Bản cáo trạng số 52/CT-VKS ngày 13/8/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố bị cáo về tội “ Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa hôm nay Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo theo như tội danh và điều luật đã nêu. Sau khi đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo đã đề nghị áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm r, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt Nguyễn Tiến Anh V từ 05 (Năm) năm 06 (Sáu) tháng đến 06 (Sáu) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo; buộc bị cáo phải bồi thường cho chị Đồng Thị D số tiền 129.000.000 đồng; đề nghị áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 6; Điều 23; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội để buộc bị cáo nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay qua xét hỏi và tranh luận bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng đã nêu. Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo thừa nhận hành vi của mình là vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; người bị hại không có khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của người bị hại và các tài liệu đã được xác lập có trong hồ sơ vụ án cũng như bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố bị cáo ra trước phiên tòa hôm nay. Như vậy đã đủ cơ sở xác định: Khoảng 09 giờ ngày 07/5/2019, tại nhà chị Đồng Thị D, ở xóm 18, xã N, huyện N, Nguyễn Tiến Anh V đã có hành vi lén lút chiếm đoạt của chị D số tiền 146.000.000 đồng.

Điều 173. Tội trộm cắp tài sản: “1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 6 tháng đến 3 năm ...2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm: ...c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;”.

Như vậy, đối chiếu với quy định của Bộ luật hình sự thấy đủ cơ sở kết luận bị cáo đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Hành vi bị cáo đã thực hiện xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự trị an, an toàn xã hội trong khu vực, làm ảnh hưởng đến nếp sống văn hoá của dân tộc, gây nên dư luận xấu trong nhân dân ở khu vực. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng cố ý thực hiện. Vì vậy việc đưa bị cáo ra xét xử công khai, lên án xử lý nghiêm minh là cần thiết nhằm góp phần vào việc đấu tranh phòng chống tội phạm.

[3] Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo thì thấy: Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo là người đã bị kết án, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy: Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đã đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công

an huyện N tự thú và trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm r, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Từ những phân tích, đánh giá nêu trên, Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn, tập chung cải tạo đối với bị cáo nhằm trừng trị, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Về hình phạt bổ sung: Theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo là người có điều kiện kinh tế còn khó khăn. Vì vậy Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại là chị Đồng Thị D yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 129.000.000 đồng. Do vậy buộc bị cáo phải bồi thường cho chị D số tiền 129.000.000 đồng là phù hợp.

[6] Về vật chứng của vụ án: Đối với chiếc xe mô tô, nhãn hiệu YAMAHA, biển số 89H2- 8870, đã qua sử dụng là xe của ông Nguyễn Văn Đ là bố đẻ của bị cáo. Ông Đ không biết việc bị cáo mượn xe mô tô đi trộm cắp tài sản nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N đã trả lại cho ông Nguyễn Văn Đ là chủ sở hữu là phù hợp.

Số tiền 17.000.000 đồng thu giữ của anh Ngô Văn Q, anh Ngô Hoàng D và chị Nguyễn Thị Hồng M là tiền V trộm cắp được tại nhà chị Đồng Thị D, chiếc két sắt nhãn hiệu Korea màu xanh, 01 ổ khóa Việt Tiệp đã qua sử dụng, 01 xà beng bằng kim loại màu đen, hình trụ, đường kính 2,5 cm, dài 1,53 mét, một đầu nhọn, một đầu dẹp đã qua sử dụng là của chị Đồng Thị D, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N đã trả lại cho chị Đồng Thị D là chủ sở hữu là phù hợp.

Đối với 03 chiếc dây chun màu vàng, chiếc túi ni lông màu hồng dùng để đựng tiền, Văn đã vớt ở vệ đường thuộc khu vực xóm 9, xã N, huyện N, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N đã truy tìm, nhưng không thấy.

[7] Đối với anh Ngô Văn Q là người vay tiền; anh Ngô Hoàng D và chị Nguyễn Thị Hồng M là những người nhận tiền trả nợ của Nguyễn Tiến Anh V, nhưng không biết đó là tiền do V trộm cắp mà có, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N không xử lý theo quy định của pháp luật là phù hợp.

Đối với anh Nguyễn Quốc Anh Ch và anh Đinh Văn Ng là người được V cho tiền, trả tiền và vay tiền, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N đã triệu tập nhưng anh Ch và anh Ng không có mặt tại địa phương, vì vậy Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N tiếp tục điều tra, xác minh sau.

[8] Căn cứ Điều 135; Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 6; Điều 23; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Buộc bị cáo phải nộp án phí sơ thẩm theo quy định.

[9] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện N là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm r, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 48 của Bộ luật Hình sự.

Căn cứ vào Điều 357; Điều 584; Điều 586; Điều 589 Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào Điều 135; Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 6; Điều 23; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Tiến Anh V phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

2. Xử phạt bị cáo Nguyễn Tiến Anh V 05 (Năm) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 26/5/2019.

3. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Tiến Anh V phải bồi thường cho chị Đồng Thị D số tiền 129.000.000 đồng (Một trăm hai mươi chín triệu đồng).

Sau khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án chưa thi hành xong cho người được thi hành án thì người phải thi hành án còn phải chịu thêm lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành.

4. Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Tiến Anh V phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 6.450.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo; vắng mặt người bị hại. Báo cho người có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án và người được thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh;
- VKS nhân dân Tỉnh + huyện;
- Công an huyện;
- Cơ quan Thi hành án;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- UBND xã H;
- Án văn + lưu hồ sơ;
- Thi hành án phạt tù.

(Đã ký)

Phạm Hùng Phương